TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ- ST
Ngày 08/01/2025
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Văn Nam

Ông Sử Văn Trai Em

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Sương- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **08** tháng **01** năm **2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 546/2024/TLST- HN, ngày 04 tháng 12 năm 2024; về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 640/2024/QĐXXST-HN ngày 27/12/2024 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Võ Minh C, sinh năm 1973;*Trú tại*: Ấp Tân Hoà A, xã Minh Đ, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**** Bị đơn*:** Nguyễn Thị C1, sinh 1977; *Trú tại*: Ấp Tân Ng, xã Tân Tr, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn anh C trình bày:

Vào năm 1997 tôi và C1 đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp. Nay tôi xin ly hôn với C1.

Quá trình sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Võ Minh Hiếu, sinh năm 1999 và Võ Quốc Huy, sinh năm 2006, các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 26/12/2024, bị đơn chị C1 có lời trình bày như sau: Vợ chồng có đăng ký kết hôn từ năm 1997, quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng có 02 con chung tên Võ Minh Hiếu, sinh năm 1999 và Võ Quốc Huy, sinh năm 2006, các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận giải quyết; Nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Anh C cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó anh khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh C có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của anh C là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Anh C, chị C1 có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh C, chị C1.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Anh C, chị C1 kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết anh C vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C là phù hợp.

[2] Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[3] Tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, nên không xem xét.

[4] Nợ chung: Không có nên không xem xét.

[5] Anh C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Võ Minh C. Anh Võ Minh C được ly hôn với chị Nguyễn Thị C1.

Về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Tài sản chung: vợ chồng tự thoả thuận giải quyết, nên không xem xét.

Nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Anh C chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005004 ngày 03/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã Tân Trung (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký